TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:381/2019/HNGĐ-ST Ngày: 03 - 9 - 2019 V/v "Tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Tuấn;
2. Ông Trịnh Xuân Hoàng.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HN, ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-HN, ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Cẩm N**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số 305/12, khu vực B, phường L, quận T, thành phố T.

2.Bị đơn: **Nguyễn Tấn Y**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm N (sau đây gọi chị N) trình bày: giữa chị và bị đơn Nguyễn Tấn Y (sau đây gọi anh Y) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Y có thói quen cờ bạc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, từ đó thường xuyên cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh Y.

-Về con chung: có một người con chung tên Nguyễn Tấn H (nam), sinh ngày 14 tháng 6 năm 2014, từ khi ly thân đến nay cháu H chung sống với chị N. Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chưa yêu cầu anh Y cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Tấn Y vắng mặt nên không có lời trình bày;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Tấn Y được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh Y.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị N và anh Y qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: chị và anh Y trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân từ năm 2017; xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo điều kiện để anh, chị được hòa giải đoàn tụ nhưng anh Y không có mặt, điều đó chứng minh, anh Y cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Y và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5] Về con chung: anh, chị có một người con chung, xét cháu H từ khi ly thân đến nay thì cháu sống với chị N, chị N cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu H, cần tiếp tục giao cháu cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh Y có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị N chưa yêu cầu anh Y cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Y mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: chị N phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Tấn Y.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Tấn H (nam), sinh ngày 14 tháng 6 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi anh Y, chị N có yêu cầu khác.

Anh Nguyễn Tấn Y chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung cho anh Y mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Cẩm N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020817, ngày 18.6.2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND P. H, Q. T, TP Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm